

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT THANH XUÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	672	251	257	164
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		68,3%	86,38%	99,39%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		6,25%	10,89%	0,61%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0,3%	0,78%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0,74%	1,95%	
II	Số học sinh chia theo học lực				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		30,28%	27,24%	82,32%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		66,93%	66,15%	17,68%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		2,79%	6,61%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)				
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)				
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		100%	99,22%	100%

a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		30,28%	27,24%	82,32%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)		66,93%	66,15%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)			2	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		2	3	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)		17	15	3
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	164			164
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	164			164
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ				

IX	Số học sinh dân tộc thiểu số				
----	------------------------------	--	--	--	--

Hà Nội ngày 10. tháng 5. năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Văn Thọ



Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT THANH XUÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	19	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	19	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	3	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1.5	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4652.6	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1000	
VI	Tổng diện tích các phòng	676m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	468	54m ² /phòng
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	114	
3	Diện tích thư viện (m ²)	50	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	24	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10		

1.2	Khối lớp 11		
1.3	Khối lớp 12		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	24	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		
6			
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	1	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Màn hình tương tác		
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		
XIII	Khu nội trú		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh
			Số m ² /học sinh

ĐẠO
TRƯỜNG
VĂN HỌC
ĐẠO
ĐẠO
ĐẠO

			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		24		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Điện lưới	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

th. No ngày 20.. tháng 5.. năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Văn Thọ

Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT THANH XUÂN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	50													
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	44													
1	Ngữ văn	7		1	6				1			3	3		
2	Lịch sử	3			3							3			
3	Địa lý	5		1					2			1	2		
4	GDKT&PL	3			3				1						
5	Tiếng Anh	4			4										
6	Toán học	6		1	5										
7	Vật lý	2			2				1						
8	Hóa học	3		1	2										
9	Sinh học	2			2				1						
10	Công nghệ	2			2										
11	Tin học	2			2					1					
12	GDTC	3			3				1			1			
13	GDQP	2			2										
II	Cán bộ quản lý	2													
1	Hiệu trưởng	1		1											
2	Phó hiệu trưởng	1		1											
III	Nhân viên														



[illegible]

Ngày 30 tháng 5 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Văn Thọ